

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai Nghị Quyết số 04/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1884/SKHĐT-TĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc trình ký Quyết định giao bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai Nghị Quyết số 04/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 cho các dự án từ nguồn vốn chưa phân bổ (nguồn vốn ngân sách tập trung, xổ số kiến thiết và nguồn khai thác quỹ đất) như sau:

1. Nguồn vốn ngân sách tập trung là 176.283 triệu đồng, trong đó:
 - a) Phân bổ chi tiết là 75.233 triệu đồng.
 - b) Dự phòng chưa phân bổ là 101.050 triệu đồng.
2. Nguồn vốn xổ số kiến thiết là 235.400 triệu đồng, trong đó:

- a) Phân bổ chi tiết là 25.200 triệu đồng.
 b) Dự phòng chưa phân bổ là 210.200 triệu đồng.
 3. Nguồn vốn khai thác quỹ đất là 174.131 triệu đồng, trong đó:
 a) Phân bổ chi tiết là 156.500 triệu đồng.
 b) Dự phòng chưa phân bổ là 17.631 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư công.

Các đơn vị chủ đầu tư định kỳ hằng tháng gửi báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai; Thủ trưởng các đơn vị chủ đầu tư gồm: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Ủy ban nhân dân huyện Định Quán, Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú, Ủy ban nhân dân thành phố Long Khánh, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành và thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh Ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, THNC, Công TTĐT.



Võ Tấn Đức

Phụ lục I

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ ĐẤT (BỔ SUNG)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2023		Trong đó:				Chủ đầu tư
					giao chi tiết		Đã giao tại QĐ 3676		Giao bổ sung		
					NSTT	đất	NSTT	đất	NSTT	đất	
1	2	3	4	5	8	9	10	11	12	13	14
C	Danh mục các dự án UBND tỉnh giao khi đủ điều kiện về hồ sơ (tính đến ngày 31/12/2022)				206,283	363,014	30,000	188,883	75,233	156,500	
C.1	Phân bổ chi tiết				105,233	345,383	30,000	188,883	75,233	156,500	
I	Thực hiện dự án				104,383	344,083	30,000	188,083	74,383	156,000	
I.1	Giao thông				40,000	344,083	30,000	188,083	10,000	156,000	
I.1.1	Thiết kế bản vẽ thi công và bồi thường giải phóng mặt bằng				0	11,000	0	5,000	0	6,000	
1	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhon Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhon Trạch (NST100%)	LT-NT	tối đa 4 năm	1,493,042	-	5,000		5,000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định Quán	ĐQ	tối đa 4 năm	145,840	-	6,000				6,000	UBND huyện Định Quán
I.1.2	Dự án khởi công mới năm 2023				40,000	333,083	30,000	183,083	10,000	150,000	
1	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	NT	2023-2028	3,868,000	-						-
	Trong đó										
a	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai (kể cả hoàn trả vốn ứng trước dự toán năm 2023)				-	50,000				50,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
b	Dự án thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai			1,268,672	-	183,083		183,083			UBND huyện Nhon Trạch
2	Dự án thành phần 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai (kể cả hoàn trả vốn ứng trước dự toán năm 2023)	BH-LT	2023-2026	6,240,000	-	100,000				100,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
3	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ) thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm	106,157	30,000	-	30,000				UBND huyện Trảng Bom
4	Nâng cấp đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 3 năm	70,310	10,000	-			10,000		UBND thành phố Long Khánh
I.2	Quốc phòng				64,383	0	0	0	64,383	0	-
I.2.1	Dự án khởi công mới năm 2023				64,383	0	0	0	64,383	0	
1	Dự án Xây dựng bổ sung một số công trình của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	tối đa 4 năm	221,102	64,383	-			64,383		Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
I.3	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				850	0	0	0	850	0	
	Khởi công mới năm 2023				850	0	0	0	850	0	

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2023 giao chi tiết		Trong đó:				Chủ đầu tư	
							Đã giao tại QĐ 3676		Giao bổ sung			
					NSTT	đất	NSTT	đất	NSTT	đất		
1	2	3	4	5	8	9	10	11	12	13	14	
1	Dự án đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021-2025 (thực hiện thẩm định giá thiết bị)	ĐN	tối đa 5 năm	988,000	850	-			850			Công an tỉnh Đồng Nai
II	Chuẩn bị đầu tư				0	1,300	0	800	0	500		
1	Đường Phước Bình-Bàu Cạn-Cẩm Đường (NST 100%)	LT	tối đa 4 năm	620,860	-	100				100	UBND huyện Long Thành	
2	Dự án Đường Lò Gạch - cầu Nước Trong (từ Quốc lộ 51 đến khu công nghiệp Long Đức) (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT	tối đa 4 năm	753,246	-	400				400	UBND huyện Long Thành	
3	Xây dựng hầm chui qua cầu Hóa An để nối đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn Trị, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 4 năm	310,000	-	300		300			UBND thành phố Biên Hòa	
4	Đường từ nút giao Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	1,545,000	-	400		400			UBND thành phố Biên Hòa	
5	Dự án xây dựng, cải tạo một số tuyến đường đảm bảo tổ chức giao thông tại vị trí giao cắt giữa đường ven sông Cái với đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh	BH	2023-2026	187,507	-	100		100			UBND thành phố Biên Hòa	
C.2	Dự phòng chưa phân bổ				101,050	17,631						

Phụ lục II

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN VỐN XỔ SỐ KIẾN THIẾT (BỔ SUNG)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	ĐĐXD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	KH 2023 giao chi tiết	Trong đó:		Chủ đầu tư
						Đã giao tại QĐ 3676	Giao bổ sung	
1	2	3	4	5	7	8	9	10
E	Danh mục các dự án UBND tỉnh giao khi đủ điều kiện về hồ sơ				236,800	1,400	25,200	-
E.1	Phân bổ chi tiết				26,600	1,400	25,200	-
I	Thực hiện dự án				24,000	300	23,700	-
I.1	Y tế, dân số và gia đình				24,000	300	23,700	-
I.1.1	Khởi công mới năm 2023				24,000	300	23,700	-
1	Xây dựng mới Trạm y tế xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14,200	2,000	100	1,900	UBND huyện Cẩm Mỹ
2	Xây dựng mới Trạm y tế xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	13,900	2,000	100	1,900	UBND huyện Cẩm Mỹ
3	Xây dựng mới Trạm y tế xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14,900	2,000	100	1,900	UBND huyện Cẩm Mỹ
4	Cải tạo, sửa chữa 04 Trạm y tế tại phường Xuân An, phường Xuân Thanh, phường Xuân Bình, phường Phú Bình thành phố Long Khánh	LK	tối đa 3 năm	12,840	10,000		10,000	UBND thành phố Long Khánh
5	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Suối Tre thành phố Long Khánh	LK	tối đa 3 năm	10,580	8,000		8,000	UBND thành phố Long Khánh
II	Chuẩn bị đầu tư				2,600	1,100	1,500	
1	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Sơn huyện Tân Phú	TP	tối đa 3 năm	9,800	400		400	UBND huyện Tân Phú
2	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Long Thành huyện Long Thành	LT	tối đa 3 năm	10,927	300		300	UBND huyện Long Thành
3	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Tam An huyện Long Thành	LT	tối đa 3 năm	9,498	300		300	UBND huyện Long Thành

S T T	Danh mục dự án	ĐBXĐ	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	KH 2023 giao chi tiết	Trong đó:		Chủ đầu tư
						Đã giao tại QĐ 3676	Giao bổ sung	
4	Sửa chữa, cải tạo các Trạm Y tế xã Tân Hiệp, Phước Thái, Phước Bình, Long Phước, Cẩm Đường, Bàu Cạn, An Phước huyện Long Thành	LT	tối đa 3 năm	22,168	300		300	UBND huyện Long Thành
5	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Núi Tượng huyện Tân Phú	TP	tối đa 3 năm	11,170	100		100	UBND huyện Tân Phú
6	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Điền huyện Tân Phú	TP	tối đa 3 năm	10,949	100		100	UBND huyện Tân Phú
7	Cải tạo 04 Trạm y tế tại xã Phú Đông, xã Phú Hội, xã Phú Thạnh, xã Vĩnh Thanh huyện Nhơn Trạch	NT	tối đa 3 năm	10,900	100	100		UBND huyện Nhơn Trạch
8	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Long Giao huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	12,580	200	200		UBND huyện Cẩm Mỹ
9	Xây dựng mới Trạm y tế xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14,950	100	100	-	UBND huyện Cẩm Mỹ
10	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế phường Bửu Hòa thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	6,010	100	100		UBND thành phố Biên Hoà
11	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế phường Hiệp Hòa thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	3,350	100	100		UBND thành phố Biên Hoà
12	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế phường Tân Phong thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	2,300	100	100		UBND thành phố Biên Hoà
13	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế phường Tân Tiến thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	1,680	100	100		UBND thành phố Biên Hoà
14	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Long Bình thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	9,460	100	100		UBND thành phố Biên Hoà
15	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Tân Hiệp thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	13,300	100	100		UBND thành phố Biên Hoà
16	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Trảng Dài thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	10,130	100	100		UBND thành phố Biên Hoà
E.2	Dự phòng chưa phân bổ				210,200			-